

NGHỊ ĐỊNH

**Về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải
khí nhà kính và tín chỉ các-bon**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon với đối tác quốc tế nhằm thực hiện Thỏa thuận Paris thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, hỗ trợ thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quốc gia và các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức thực hiện trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon là hoạt động trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon giữa Việt Nam và đối tác quốc tế được thực hiện trong khuôn khổ Thỏa thuận hợp tác thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Thỏa thuận Paris (sau đây gọi là Thỏa thuận Điều 6.2)

hoặc theo cơ chế quy định tại khoản 4 Điều 6 Thỏa thuận Paris (sau đây gọi là Cơ chế Điều 6.4) hoặc ngoài khuôn khổ Thỏa thuận Điều 6.2 và Cơ chế Điều 6.4.

2. Thỏa thuận Paris là điều ước quốc tế trong khuôn khổ của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (sau đây viết tắt là UNFCCC) có hiệu lực thực hiện từ năm 2021, quy định trách nhiệm của các quốc gia thành viên về thích ứng, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua Đóng góp do quốc gia tự quyết định (sau đây viết tắt là NDC).

3. Thỏa thuận Điều 6.2 là điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế được ký kết giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia là Bên tham gia của Thỏa thuận Paris hoặc tổ chức quốc tế nhằm thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC hoặc các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác, theo đó cho phép:

a) Chuyển giao kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ Việt Nam cho đối tác quốc tế thông qua việc cấp văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của Việt Nam;

b) Chuyển giao kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ đối tác quốc tế về Việt Nam thông qua việc cấp văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của quốc gia chủ nhà.

4. Cơ chế Điều 6.4 là cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon được quy định tại khoản 4 Điều 6 Thỏa thuận Paris, cho phép các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC hoặc các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác.

5. Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác quy định tại Nghị định này là mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các cam kết quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên ngoài mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC (gọi tắt là mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế) hoặc mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tự nguyện của cơ quan, tổ chức.

6. Đối tác quốc tế là quốc gia, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài hoặc cơ quan, tổ chức được ủy quyền bởi quốc gia, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tham gia hợp tác hoặc trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon với Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.

7. Chương trình, dự án là chương trình, dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo các tiêu chuẩn các-bon.

8. Tiêu chuẩn các-bon là quy định về nguyên tắc, yêu cầu, quy trình, thủ tục và phương pháp luận để tạo tín chỉ các-bon từ hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; được ban hành và quản lý bởi cơ quan, tổ chức trong nước hoặc quốc tế.

9. Cơ quan giám sát Cơ chế Điều 6.4 là cơ quan được thành lập trong khuôn khổ UNFCCC để vận hành Cơ chế Điều 6.4, xây dựng, phê duyệt phương pháp tạo tín chỉ các-bon, đăng ký, chấp thuận chương trình, dự án và quản lý Hệ thống đăng ký của Cơ chế Điều 6.4.

10. Hệ thống đăng ký của Cơ chế Điều 6.4 là hệ thống cơ sở dữ liệu kỹ thuật số do Cơ quan giám sát Cơ chế Điều 6.4 vận hành để theo dõi, quản lý các chương trình, dự án và tín chỉ các-bon theo Cơ chế Điều 6.4.

11. Một đơn vị kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là chứng nhận thể hiện quyền phát thải một tấn khí CO₂ hoặc một tấn khí CO₂ tương đương, hình thành từ hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính nhưng không ban hành dưới dạng đơn vị tín chỉ các-bon.

12. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được chuyển giao quốc tế (sau đây viết tắt là ITMO) là kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hoặc tín chỉ các-bon được Chính phủ quốc gia chủ nhà chấp thuận chuyển giao quốc tế và phải thực hiện điều chỉnh tương ứng theo quy định, hướng dẫn của Thỏa thuận Paris.

13. Quốc gia chủ nhà là quốc gia nơi chương trình, dự án được thực hiện.

14. Điều chỉnh tương ứng là việc quốc gia chủ nhà thực hiện cộng thêm vào kết quả kiểm kê phát thải khí nhà kính quốc gia một lượng phát thải tương ứng với lượng ITMO đã chuyển giao. Lượng ITMO đó chỉ được tính vào mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC hoặc các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác của bên nhận chuyển giao. Việc điều chỉnh tương ứng đối với lượng ITMO giữa Việt Nam và các đối tác quốc tế do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện.

15. Quy định, hướng dẫn của Thỏa thuận Paris gồm các quy định tại Thỏa thuận Paris và các quyết định, hướng dẫn do Hội nghị các Bên tham gia Thỏa thuận Paris ban hành.

16. Văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế là văn bản được cấp bởi quốc gia chủ nhà để cho phép sử dụng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon thu được trên lãnh thổ nước đó để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC của quốc gia khác hoặc các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác. Văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thay mặt Chính phủ cấp.

17. Tính bổ sung là tiêu chí được sử dụng để đánh giá các chương trình, dự án có đủ điều kiện tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon. Một chương trình, dự án được coi là có tính bổ sung khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Chứng minh được lượng giảm phát thải khí nhà kính từ thực hiện chương trình, dự án cao hơn mức giảm phát thải theo quy định pháp luật hiện hành hoặc yêu cầu bắt buộc của quốc gia chủ nhà;

b) Chứng minh được chương trình, dự án áp dụng công nghệ giảm phát thải khí nhà kính tiên tiến, vượt trội so với công nghệ phổ biến tại quốc gia chủ nhà;

c) Chứng minh được chương trình, dự án khó triển khai hoặc khó thu hút đầu tư nếu không có hỗ trợ về công nghệ, tài chính hoặc nguồn thu từ việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

18. Tính bền vững là tiêu chí được sử dụng để đánh giá các chương trình, dự án đủ điều kiện tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hoặc tín chỉ các-bon. Một chương trình, dự án được coi là có tính bền vững khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Chứng minh được chương trình, dự án tiếp tục tạo ra kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính sau khi kết thúc giai đoạn tạo tín chỉ các-bon đã đăng ký;

b) Chứng minh được chương trình, dự án có đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia chủ nhà.

19. Tính hai lần là việc sử dụng cùng một lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon nhiều hơn một lần để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC hoặc mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác.

20. Tiêu chuẩn các-bon độc lập là tiêu chuẩn các-bon được ban hành và quản lý bởi tổ chức quốc tế hoặc tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon để sử dụng và thực hiện các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

21. Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập là tổ chức quốc tế hoặc tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, hoạt động độc lập; hướng dẫn, giám sát, phê duyệt phương pháp tạo tín chỉ các-bon, phê duyệt chương trình, dự án, cấp tín chỉ các-bon theo quy định và quy trình của tiêu chuẩn các-bon đó.

Điều 4. Nguyên tắc trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon

1. Trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon phải bảo đảm:

a) Tuân thủ quy định của Thỏa thuận Paris; hỗ trợ phát triển, chuyển giao công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế các-bon thấp tại Việt Nam;

b) Ưu tiên thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC của Việt Nam và các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế;

c) Bảo đảm lợi ích quốc gia và hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia, có đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương nơi thực hiện chương trình, dự án.

2. Hoạt động trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon giữa Việt Nam với đối tác quốc tế phải được ghi nhận, công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia của Việt Nam.

Điều 5. Văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế và điều chỉnh tương ứng

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon sau khi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được cấp.

2. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đã bị thu hồi, hoặc hết hiệu lực thì không được chuyển giao quốc tế.

3. Việc điều chỉnh tương ứng đối với lượng ITMO giữa Việt Nam với các đối tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Thỏa thuận Paris.

Điều 6. Tỷ lệ chuyển giao quốc tế

1. Trường hợp chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng, tỷ lệ chuyển giao tối đa đối với lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được cấp cho giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được quy định như sau:

a) 90% đối với các chương trình, dự án theo các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thuộc danh mục số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 50% đối với các chương trình, dự án theo các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thuộc danh mục số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trường hợp chuyển giao quốc tế không điều chỉnh tương ứng, tỷ lệ chuyển giao tối đa là 90% lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được cấp cho một giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đối với tất cả chương trình, dự án.

3. Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon còn lại sau khi chuyển giao quốc tế được phép sử dụng để trao đổi trong nước.

4. Căn cứ tình hình thực tiễn, bộ quản lý lĩnh vực đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung danh mục biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính chuyên giao quốc tế tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 7. Bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án đầu tư công và dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Cơ quan chủ quản chương trình, dự án đầu tư công quyết định việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án đó.

2. Việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án đầu tư công phải lấy ý kiến của bộ quản lý lĩnh vực, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

3. Nguồn thu từ việc trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon hình thành từ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) được ghi nhận là doanh thu của dự án PPP và được quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đối với các dự án PPP đã được ký kết hợp đồng dự án và/hoặc có phương án tài chính mà có nhu cầu trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon thì cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư tiến hành điều chỉnh hợp đồng dự án PPP và/hoặc phương án tài chính.

4. Khoản tiền thu được từ việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án đầu tư công là khoản thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương II

**TRAO ĐỔI QUỐC TẾ KẾT QUẢ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI
KHÍ NHÀ KÍNH, TÍN CHỈ CÁC-BON TRONG KHUÔN KHỔ
THỎA THUẬN ĐIỀU 6.2**

Điều 8. Ký kết Thỏa thuận Điều 6.2

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan có liên quan tổ chức đàm phán, ký kết Thỏa thuận Điều 6.2 với đối tác quốc tế.

2. Thỏa thuận gồm những nội dung chính sau:

a) Việc đăng ký dự án;

b) Việc công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và cấp tín chỉ các-bon;

c) Tiêu chuẩn các-bon hoặc phương pháp tạo tín chỉ các-bon được áp dụng;

d) Nghĩa vụ tài chính liên quan đến trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon;

đ) Cơ chế giải quyết tranh chấp;

e) Công nhận và công bố đơn vị thẩm định;

g) Cơ chế chia sẻ thông tin;

h) Quy trình về chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đối với trường hợp Việt Nam là bên nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

Điều 9. Đăng ký dự án theo Thỏa thuận Điều 6.2

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu đăng ký dự án theo Thỏa thuận Điều 6.2 (sau đây gọi là dự án Điều 6.2) gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký ý tưởng dự án theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký ý tưởng dự án Điều 6.2 theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến tư cách pháp nhân, hoạt động của cơ quan, tổ chức theo yêu cầu của thỏa thuận và quy định pháp luật có liên quan;

c) Tài liệu khác theo yêu cầu của thỏa thuận (nếu có).

Trường hợp các tài liệu liên quan quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký ý tưởng dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức đã gửi hồ sơ về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp

lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký ý tưởng dự án theo các nội dung: sự phù hợp của ý tưởng dự án với danh mục tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và các mục tiêu chiến lược phát triển ngành, địa phương. Trong quá trình đánh giá, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký ý tưởng dự án đến bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến, bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về sự phù hợp của ý tưởng dự án.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản kết quả đánh giá cho cơ quan, tổ chức đã gửi hồ sơ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận việc đăng ký ý tưởng dự án thì phải nêu rõ lý do. Ngay sau khi chấp thuận đăng ký ý tưởng dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm công bố hồ sơ ý tưởng dự án trên Hệ thống đăng ký quốc gia.

5. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ý tưởng dự án được chấp thuận đăng ký, cơ quan, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký dự án theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

6. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký dự án theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó bao gồm thông tin về tổ chức đại diện cho các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án (sau đây gọi là tổ chức đại diện);

b) Tài liệu thiết kế dự án theo quy định của tiêu chuẩn các-bon áp dụng cho Thỏa thuận Điều 6.2;

c) Báo cáo thẩm định dự án theo quy định của tiêu chuẩn các-bon áp dụng cho Thỏa thuận Điều 6.2.

Trường hợp các tài liệu liên quan quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức đã gửi hồ sơ về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

7. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký dự án theo các nội dung: tính bổ sung và tính bền vững của dự án, sự phù hợp của giai đoạn tạo tín chỉ các-bon với việc thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC của Việt Nam, đóng góp của dự án đối với việc thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC của Việt Nam. Trong quá trình đánh giá hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ để lấy ý kiến bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Bộ quản lý lĩnh vực có trách nhiệm cho ý kiến về sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và biện pháp giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực trong NDC của Việt Nam. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có ý kiến thì được hiểu là thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký dự án.

8. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản kết quả đánh giá cho cơ quan, tổ chức đã gửi hồ sơ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do. Ngay sau khi chấp thuận đăng ký dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm công bố hồ sơ dự án trên Hệ thống đăng ký quốc gia.

Điều 10. Sửa đổi nội dung hoạt động và thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án Điều 6.2

1. Cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án có nhu cầu sửa đổi nội dung hoạt động dự án sau khi hồ sơ đăng ký dự án đã được chấp thuận, tổ chức đại diện gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu thiết kế dự án sửa đổi;

c) Báo cáo thẩm định dự án sửa đổi;

d) Bản sao các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến sửa đổi hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định pháp luật;

đ) Tài liệu khác gửi kèm theo quy định của Thỏa thuận Điều 6.2 (nếu có).

Trường hợp các tài liệu liên quan quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung hoạt động dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung hoạt động dự án theo các nội dung đề nghị sửa đổi. Trong quá trình đánh giá, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung hoạt động dự án để lấy ý kiến của bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến, bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có ý kiến thì được hiểu là thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung hoạt động dự án.

4. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản kết quả đánh giá cho tổ chức đại diện theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do. Ngay sau khi chấp thuận việc sửa đổi nội dung hoạt động dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm công bố hồ sơ dự án đã sửa đổi nội dung hoạt động trên Hệ thống đăng ký quốc gia.

5. Trường hợp cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án có nhu cầu thay đổi thành phần tham gia thực hiện dự án sau khi hồ sơ đăng ký dự án đã được chấp thuận, tổ chức đại diện gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

6. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi dự án theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản thông báo về việc chấm dứt tham gia thực hiện dự án của cơ quan, tổ chức (nếu có);

c) Tài liệu khác theo quy định của Thỏa thuận Điều 6.2 (nếu có).

Trường hợp các tài liệu liên quan quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

7. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra, xem xét hồ sơ đề nghị thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án sau khi nhận hồ sơ hợp lệ. Trong quá trình kiểm tra, xem xét, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có ý kiến thì được hiểu là thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án.

8. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định chấp thuận việc thay đổi và thông báo cho tổ chức đại diện theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do. Ngay sau khi chấp thuận việc thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia.

Điều 11. Đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải khí nhà kính đối với các dự án Điều 6.2 thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam

1. Cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm đo đạc, báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ dự án theo quy định của tiêu chuẩn các-bon áp dụng cho Thỏa thuận Điều 6.2.

2. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ dự án trên lãnh thổ Việt Nam phải được thẩm định bởi đơn vị thẩm định được cơ quan, tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon áp dụng cho Thỏa thuận Điều 6.2 công nhận hoặc đơn vị thẩm định khác do Thỏa thuận Điều 6.2 quy định.

Điều 12. Cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ dự án Điều 6.2

1. Cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án có nhu cầu được cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ dự án, tổ chức đại diện gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, công nhận theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của dự án;

c) Tài liệu chứng minh kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon của dự án đã được cấp, công nhận bởi cơ quan, tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon áp dụng cho Thỏa thuận Điều 6.2 (nếu có).

Trường hợp các tài liệu liên quan quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong quá trình đánh giá, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của bộ quản lý lĩnh vực. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, bộ quản lý lĩnh vực có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan được lấy ý kiến không có ý kiến thì được hiểu là thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

4. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức đại diện theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và ghi nhận lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đã được cấp, công nhận vào tài khoản của cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án trên Hệ thống đăng ký quốc gia; trường hợp không cấp hoặc không công nhận thì phải nêu rõ lý do.

Điều 13. Chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ dự án Điều 6.2

1. Cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án có nhu cầu chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có điều chỉnh tương ứng (sau đây gọi là chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng) từ dự án, tổ chức đại diện gửi đơn đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Công dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét và cấp văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng. Trong quá trình xem xét, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản gửi xin ý kiến, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có ý kiến thì được hiểu là thống nhất với đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng.

Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế cho cơ quan, tổ chức đã gửi đề nghị theo Mẫu số 10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.

3. Trường hợp chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon không điều chỉnh tương ứng, tổ chức đại diện thông báo theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao quốc tế.

Điều 14. Thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký dự án Điều 6.2

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký dự án trong các trường hợp sau đây:

a) Hoạt động của chương trình, dự án bị chấm dứt theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án;

b) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc theo Thỏa thuận Điều 6.2.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thu hồi chấp thuận đăng ký dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia.

3. Việc thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký dự án không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đã được chấp thuận chuyển giao quốc tế trước thời điểm văn bản chấp thuận bị thu hồi.

Điều 15. Chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon về Việt Nam theo Thỏa thuận Điều 6.2

1. Khi có nhu cầu sử dụng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon quốc tế để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế trong phạm vi quản lý, bộ quản lý lĩnh vực gửi văn bản đề xuất về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

2. Văn bản đề xuất mua kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon về Việt Nam gồm các thông tin sau đây:

a) Đối tác quốc tế chuyển giao kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon;

b) Lượng, loại kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon;

c) Cơ quan, tổ chức tại Việt Nam dự kiến thực hiện mua kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

3. Căn cứ đề xuất của các bộ quản lý lĩnh vực, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan có liên quan tổ chức đàm phán, ký kết Thỏa thuận Điều 6.2 với đối tác quốc tế.

4. Cơ quan, tổ chức tại Việt Nam thực hiện mua kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Thỏa thuận Điều 6.2 đã ký kết giữa Việt Nam và đối tác quốc tế. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của đối tác quốc tế, cơ quan, tổ chức tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về hoàn tất việc mua kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 11 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Văn bản thông báo phải kèm theo văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của đối tác quốc tế và bản dịch sang tiếng Việt có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường ghi nhận lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon mua về Việt Nam trên Hệ thống đăng ký quốc gia và thực hiện điều chỉnh tương ứng theo quy định của Thỏa thuận Paris.

Chương III

TRAO ĐỔI QUỐC TẾ TÍN CHỈ CÁC-BON TỪ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO CƠ CHẾ ĐIỀU 6.4

Điều 16. Đăng ký chương trình, dự án theo Cơ chế Điều 6.4

1. Việc đăng ký chương trình, dự án theo Cơ chế Điều 6.4 (sau đây gọi là chương trình, dự án Điều 6.4) thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Thỏa thuận Paris.

2. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu đăng ký chương trình, dự án gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký chương trình, dự án theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký chương trình, dự án gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký chương trình, dự án theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó bao gồm thông tin về tổ chức đại diện cho các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án (sau đây gọi là tổ chức đại diện);

b) Tài liệu thiết kế chương trình, dự án theo quy định của Cơ chế Điều 6.4;

c) Báo cáo thẩm định chương trình, dự án theo quy định của Cơ chế Điều 6.4.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký chương trình, dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức đã gửi hồ sơ về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký chương trình, dự án theo các nội dung: tính bổ sung và tính bền vững của dự án, sự phù hợp của giai đoạn tạo tín chỉ các-bon với việc thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC của Việt Nam, đóng góp của dự án đối với việc thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong NDC của Việt Nam. Trong quá trình đánh giá, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ để lấy ý kiến bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Bộ quản lý lĩnh vực có trách nhiệm cho ý kiến về sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và biện pháp giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực trong NDC của Việt Nam. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có ý kiến thì được hiểu là thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký dự án.

5. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản kết quả đánh giá cho cơ quan, tổ chức đã gửi hồ sơ và Ban thư ký UNFCCC theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.

6. Sau khi chương trình, dự án được Cơ quan giám sát Cơ chế Điều 6.4 phê duyệt đăng ký, tổ chức đại diện có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hằng năm theo Mẫu số 13 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Trường hợp các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án có nhu cầu hủy đăng ký chương trình, dự án, tổ chức đại diện thực hiện thủ tục hủy đăng ký chương trình, dự án theo quy định, hướng dẫn của Thỏa thuận Paris. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và bảo đảm không làm phát sinh trách nhiệm đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi hủy đăng ký.

Điều 17. Sửa đổi nội dung hoạt động và thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án Điều 6.4

1. Việc sửa đổi nội dung hoạt động chương trình, dự án thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Thỏa thuận Paris.

2. Cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án có nhu cầu sửa đổi nội dung hoạt động chương trình, dự án sau khi hồ sơ đăng ký chương trình, dự án đã được chấp thuận, tổ chức đại diện gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

3. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi chương trình, dự án theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu thiết kế chương trình, dự án sửa đổi;

c) Báo cáo thẩm định chương trình, dự án sửa đổi;

d) Bản sao các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến sửa đổi hoạt động chuyên môn của chương trình, dự án theo quy định pháp luật.

Trường hợp các tài liệu liên quan quy định tại các điểm b, c và d khoản 3 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung hoạt động chương trình, dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung hoạt động chương trình, dự án theo các nội dung đề nghị sửa đổi. Trong quá trình đánh giá, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung hoạt động dự án để lấy ý kiến của bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến, bộ quản lý lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có ý kiến thì được hiểu là thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung hoạt động chương trình, dự án.

5. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản kết quả đánh giá cho tổ chức đại diện và Ban thư ký UNFCCC theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.

6. Trường hợp cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án có nhu cầu thay đổi thành phần tham gia thực hiện chương trình, dự án sau khi hồ sơ đăng ký chương trình, dự án đã được chấp thuận, tổ chức đại diện gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

7. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi chương trình, dự án theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản thông báo về việc chấm dứt tham gia thực hiện chương trình, dự án của cơ quan, tổ chức (nếu có).

Trường hợp văn bản thông báo này bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra, xem xét hồ sơ đề nghị thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án sau khi nhận hồ sơ hợp lệ. Trong quá trình kiểm tra, xem xét, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có ý kiến thì được hiểu là thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án.

9. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định chấp thuận việc thay đổi và thông báo cho tổ chức đại diện và Ban thư ký UNFCCC theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.

Điều 18. Cấp tín chỉ các-bon cho chương trình, dự án Điều 6.4

1. Việc cấp tín chỉ các-bon cho chương trình, dự án được thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Thỏa thuận Paris.

2. Sau khi tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án được Cơ quan giám sát Cơ chế Điều 6.4 cấp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, cấp văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Điều 19. Chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án Điều 6.4

1. Cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án có nhu cầu chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon có điều chỉnh tương ứng từ chương trình, dự án, tổ chức đại diện gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc

tế tín chỉ các-bon có điều chỉnh tương ứng theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của chương trình, dự án;

c) Văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của đối tác quốc tế nhận chuyển giao (nếu có).

Trường hợp các tài liệu liên quan quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Việc chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án theo Cơ chế Điều 6.4 được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

4. Trường hợp chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon không điều chỉnh tương ứng, tổ chức đại diện thông báo theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao quốc tế.

Điều 20. Thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký chương trình, dự án Điều 6.4

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký chương trình, dự án trong các trường hợp sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của chương trình, dự án hết thời hạn hiệu lực;

b) Hoạt động của chương trình, dự án bị chấm dứt theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án;

c) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chương trình, dự án được Cơ quan giám sát Cơ chế Điều 6.4 phê duyệt đăng ký, tổ chức đại diện không thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định này.

2. Trước khi thực hiện thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký chương trình, dự án trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản cho các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án. Sau 60 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho Ban thư ký UNFCCC để thực hiện hủy đăng ký chương trình, dự án.

3. Việc thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký chương trình, dự án không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của tín chỉ các-bon đã được chấp thuận chuyển giao quốc tế trước thời điểm văn bản chấp thuận bị thu hồi.

Điều 21. Chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án Điều 6.4 về Việt Nam

1. Việc chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án về Việt Nam chỉ áp dụng với cơ quan, tổ chức tại Việt Nam là một bên tham gia chương trình, dự án tại quốc gia chủ nhà. Cơ quan, tổ chức tại Việt Nam khi thực hiện chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án về Việt Nam thực hiện theo quy định pháp luật của quốc gia chủ nhà.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của quốc gia chủ nhà, cơ quan, tổ chức tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 11 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Văn bản thông báo phải kèm theo văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của quốc gia chủ nhà và bản dịch sang tiếng Việt có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện ghi nhận tín chỉ các-bon chuyển giao về Việt Nam trên Hệ thống đăng ký quốc gia và thực hiện điều chỉnh tương ứng theo quy định của Thỏa thuận Paris.

Chương IV

TRAO ĐỔI QUỐC TẾ KẾT QUẢ GIẢM NHE PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH, TÍN CHỈ CÁC-BON TỪ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO CÁC TIÊU CHUẨN CÁC-BON ĐỘC LẬP

Điều 22. Công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon thuộc các tiêu chuẩn các-bon độc lập

1. Tiêu chuẩn các-bon độc lập được xem xét để công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon phải đáp ứng tối thiểu các điều kiện sau:

a) Có hệ thống quản lý minh bạch và được quốc tế công nhận về phát triển, thẩm định, giám sát dự án và cấp tín chỉ các-bon;

b) Áp dụng phương pháp tạo tín chỉ các-bon rõ ràng, bảo đảm tính bổ sung, tính bền vững, định lượng, có thể kiểm chứng và không trùng lặp;

c) Có cơ chế công bố thông tin và tiếp nhận phản hồi của bên liên quan;

d) Có cơ chế kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu và hợp tác kỹ thuật với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Danh mục các phương pháp tạo tín chỉ các-bon để chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng thuộc các tiêu chuẩn các-bon độc lập được áp dụng ở Việt Nam bao gồm:

a) Các phương pháp tạo tín chỉ các-bon thuộc tiêu chuẩn các-bon áp dụng trong các Thỏa thuận Điều 6.2 đã ký kết giữa Việt Nam và đối tác quốc tế;

b) Các phương pháp tạo tín chỉ các-bon thuộc tiêu chuẩn các-bon độc lập do các bộ quản lý lĩnh vực đề xuất.

3. Các bộ quản lý lĩnh vực có trách nhiệm rà soát và tổng hợp các phương pháp tạo tín chỉ các-bon thuộc các tiêu chuẩn các-bon độc lập phù hợp với danh mục tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này trong phạm vi quản lý, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xây dựng danh mục các phương pháp tạo tín chỉ các-bon để chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng thuộc các tiêu chuẩn các-bon độc lập được áp dụng tại Việt Nam.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm công bố và cập nhật danh mục các phương pháp tạo tín chỉ các-bon để chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng thuộc các tiêu chuẩn các-bon độc lập được áp dụng ở Việt Nam trên Cổng thông tin điện tử của bộ.

Điều 23. Đăng ký chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập

1. Việc đăng ký chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập được thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo phê duyệt đăng ký của Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập, tổ chức đại diện có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc đăng ký thành công dự án cho bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Trường hợp có sửa đổi nội dung hoạt động, thay đổi về thành phần tham gia thực hiện hoặc hủy đăng ký chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập, tổ chức đại diện thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập và có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thay đổi kèm theo văn bản chấp thuận của Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập cho bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Sau khi chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập được đăng ký, tổ chức đại diện có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án cho bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hằng năm theo Mẫu số 14 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập hủy đăng ký đối với chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của chương trình, dự án hết thời hạn hiệu lực;

b) Hoạt động của chương trình, dự án bị chấm dứt theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án;

c) Tổ chức đại diện không thực hiện nghĩa vụ báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chương trình, dự án được đăng ký.

5. Trước khi đề nghị Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập hủy đăng ký đối với chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án và bộ quản lý lĩnh vực. Sau 60 ngày kể từ ngày thực hiện việc thông báo này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố thông tin về việc hủy đăng ký chương trình, dự án trên Hệ thống đăng ký quốc gia và thông báo cho Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập để thực hiện hủy đăng ký.

Điều 24. Cấp tín chỉ các-bon cho chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập

1. Việc cấp tín chỉ các-bon cho chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập được thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập.

2. Sau khi tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập được cấp, tổ chức đại diện gửi thông báo cho bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 25. Chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập

1. Cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập có nhu cầu chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có điều chỉnh tương ứng từ chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon

độc lập, tổ chức đại diện gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có điều chỉnh tương ứng theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bù chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của chương trình, dự án;

c) Văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của đối tác quốc tế nhận chuyển giao (nếu có).

Trường hợp các tài liệu liên quan quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Việc chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

4. Trường hợp chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon không điều chỉnh tương ứng, tổ chức đại diện thông báo theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao quốc tế.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ xem xét, chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có điều chỉnh tương ứng cho các chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập áp dụng phương pháp tạo tín chỉ các-bon thuộc danh mục quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này.

Điều 26. Chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập về Việt Nam

1. Việc chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập về Việt Nam chỉ áp dụng với cơ quan, tổ chức tại Việt Nam là một bên tham gia chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập tại quốc gia khác. Cơ quan, tổ chức tại Việt Nam khi thực hiện chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập về Việt Nam thực hiện theo quy định pháp luật của quốc gia chủ nhà.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của quốc gia chủ nhà, cơ quan, tổ chức tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 11 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Văn bản thông báo phải kèm theo văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của quốc gia chủ nhà và bản dịch sang tiếng Việt có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường ghi nhận tín chỉ các-bon chuyển giao về Việt Nam trên Hệ thống đăng ký quốc gia và thực hiện điều chỉnh tương ứng theo quy định của Thỏa thuận Paris.

Chương V

TRAO ĐỔI QUỐC TẾ KẾT QUẢ GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH, TÍN CHỈ CÁC-BON ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH THEO CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VÀ CAM KẾT QUỐC TẾ

Điều 27. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được chuyển giao để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế

1. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được chuyển giao để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế gồm:

a) Tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án Điều 6.4;

b) Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án theo các tiêu chuẩn các-bon độc lập được điều ước quốc tế, cam kết quốc tế công nhận.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện điều ước quốc tế, cam kết quốc tế có trách nhiệm cập nhật danh mục các tiêu chuẩn các-bon độc lập được điều ước quốc tế, cam kết quốc tế công nhận, công bố trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì thực hiện điều ước quốc tế, cam kết quốc tế.

Điều 28. Chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế

1. Cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định này có nhu cầu chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có điều chỉnh tương ứng để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế, tổ chức đại diện gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có điều chỉnh tương ứng theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của chương trình, dự án.

Trường hợp Báo cáo thẩm định bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt và có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung của bản dịch.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét và cấp văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng. Trong quá trình xem xét, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của bộ quản lý lĩnh vực, cơ quan chủ trì thực hiện điều ước quốc tế và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn

bản gửi xin ý kiến, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có ý kiến thì được hiểu là thống nhất với hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế cho cơ quan, tổ chức đã gửi hồ sơ đề nghị, bên nhận chuyển giao và cơ quan chủ trì thực hiện điều ước quốc tế, cam kết quốc tế theo Mẫu số 10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.

4. Quy định tại Điều này chỉ áp dụng đối với trường hợp bên nhận chuyển giao là các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam có nghĩa vụ tuân thủ thực hiện các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế.

Điều 29. Chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon về Việt Nam để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế

1. Các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế được mua kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định này từ các chương trình, dự án thực hiện tại quốc gia khác về Việt Nam để thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của quốc gia chủ nhà, cơ quan, tổ chức tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 11 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Văn bản thông báo phải kèm theo văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế của quốc gia chủ nhà và bản dịch sang tiếng Việt có đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường ghi nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon chuyển giao về Việt Nam trên Hệ thống đăng ký quốc gia và thực hiện điều chỉnh tương ứng theo quy định của Thỏa thuận Paris.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Trách nhiệm của các bộ

Ngoài trách nhiệm được quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính có trách nhiệm sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường thống nhất quản lý hoạt động trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon; chủ trì theo dõi việc triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra việc chấp hành pháp luật về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

3. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng có trách nhiệm phối hợp tham gia ý kiến các nội dung về chuyên môn, kỹ thuật đối với các nội dung có liên quan đến chức năng nhiệm vụ được giao trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định này.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm xây dựng các quy định về tài chính liên quan đến hoạt động trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến các chương trình, dự án tham gia trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên địa bàn quản lý theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng trong công tác kiểm tra hoạt động trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên địa bàn quản lý.

3. Chỉ đạo sở, ban, ngành tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên địa bàn quản lý.

4. Tổ chức theo dõi, kiểm tra theo thẩm quyền việc thực hiện chương trình, dự án tham gia trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên địa bàn quản lý.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ các khoản 2, 4, 5 và 6 Điều 20a của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà



Phụ lục I
DANH MỤC BIỆN PHÁP, HOẠT ĐỘNG GIẢM PHÁT THẢI
KHI NHÀ KÍNH CHUYÊN GIAO QUỐC TẾ
CÓ ĐIỀU CHỈNH TƯƠNG ỨNG

*(Kèm theo Nghị định số 112/2026/NĐ-CP
Ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)*

Danh mục số 01	Danh mục biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính ưu tiên chuyên giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng
Danh mục số 02	Danh mục biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính khuyến khích chuyên giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng

**DANH MỤC BIỆN PHÁP, HOẠT ĐỘNG GIẢM PHÁT THẢI
KHÍ NHÀ KÍNH ƯU TIÊN CHUYỂN GIAO QUỐC TẾ
CÓ ĐIỀU CHỈNH TƯƠNG ỨNG**

STT	Lĩnh vực, biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính
I	Năng lượng
1.	Điện địa nhiệt
2.	Điện gió ngoài khơi
3.	Điện mặt trời không nối lưới, dưới 15MW, cấp điện cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
4.	Năng lượng sóng, thủy triều; sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh, khí sinh học me-tan
5.	Hệ thống lưu trữ năng lượng sử dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến (ESS)
6.	Áp dụng công nghệ, kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) để nâng cao hiệu quả năng lượng, thay thế hoặc tiết kiệm nhiên liệu
II	Năng lượng (giao thông)
1.	Chuyển đổi phương tiện sử dụng năng lượng xanh, năng lượng sạch
2.	Chuyển đổi từ phương thức vận tải phát thải cao sang phương thức vận tải phát thải thấp
3.	Trạm sạc xe điện
III	Quá trình công nghiệp
1.	Ứng dụng công nghệ thu hồi, sử dụng và lưu trữ các-bon (CCUS) hoặc công nghệ thu hồi và lưu trữ các-bon (CCS) trong quá trình công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng và năng lượng
2.	Thu giữ CO ₂ trực tiếp từ không khí
3.	Áp dụng công nghệ, kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) giảm phát thải khí nhà kính trong quá trình công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng

4.	Chuyển sang môi chất lạnh trong làm mát và điều hòa không khí có tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) thấp hơn mức quy định tại lộ trình của Chính phủ
VI	Quản lý chất thải và nước thải
1.	Xử lý chất thải rắn bằng phương pháp đốt (có phát điện)
2.	Thu hồi và sử dụng khí từ bãi chôn lấp
3.	Chuyển đổi từ bể tự hoại kỵ khí sang công nghệ hiếu khí trong hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung
4.	Chuyển đổi, áp dụng công nghệ hiếu khí trong hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
5.	Tái chế, tiêu hủy các chất HFC, HCFC, SF6 có GWP cao
VII	Nông nghiệp và chăn nuôi
1.	Hiện đại hóa tưới nước và bón phân cho cây dài ngày
2.	Tuần hoàn chất thải trồng trọt
3.	Tưới khô ướt xen kẽ và hệ thống canh tác lúa cải tiến ở vùng có cơ sở hạ tầng chưa đầy đủ
4.	Ứng dụng công nghệ vi sinh để cải tiến hệ thống canh tác lúa
5.	Khí sinh học, than sinh học từ rơm rạ, các phụ phẩm nông nghiệp
6.	Cải thiện khẩu phần ăn của bò, trâu
7.	Sản xuất nhiên liệu sinh học (biofuel)

**DANH MỤC BIỆN PHÁP, HOẠT ĐỘNG GIẢM PHÁT THẢI
KHÍ NHÀ KÍNH KHUYẾN KHÍCH CHUYÊN GIAO QUỐC TẾ
CÓ ĐIỀU CHỈNH TƯƠNG ỨNG**

STT	Lĩnh vực, biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính
I	Năng lượng
1.	Nhiệt điện khí chu trình hỗn hợp sử dụng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) nhập khẩu
2.	Điện sinh khối
3.	Các dự án năng lượng tái tạo và các dự án sử dụng hiệu quả năng lượng đã được đăng ký theo Cơ chế JCM hoặc được chấp thuận chuyển đổi từ Cơ chế Phát triển sạch (CDM) sang Cơ chế Điều 6.4
4.	Điện gió gần bờ
II	Quá trình công nghiệp
1.	Sử dụng phụ gia trong sản xuất xi măng
2.	Lò hơi sử dụng nhiên liệu sinh khối thay thế lò hơi đốt than/dầu tại những cơ sở không tham gia trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính
III	Năng lượng (dân dụng, thương mại, dịch vụ)
1.	Sử dụng điều hòa không khí hiệu suất cao
2.	Sử dụng thiết bị làm mát hiệu suất cao
IV	Quản lý chất thải và nước thải
1.	Sản xuất phân compost
2.	Xử lý chất thải rắn bằng phương pháp đốt (<i>không phát điện</i>)
3.	Xử lý kỵ khí chất thải rắn và thu hồi khí sinh học
4.	Sản xuất nhiên liệu có nguồn gốc từ chất thải rắn (RDF)
5.	Chuyển đổi, áp dụng công nghệ hiếu khí trong xử lý nước thải công nghiệp tập trung
6.	Thu hồi và sử dụng khí sinh học từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp

V	Nông nghiệp và chăn nuôi
1.	Thay phân urea bằng phân đạm miti, chậm tan, phân giải chậm
2.	Tuần hoàn chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ
3.	Bón phân hữu cơ được sản xuất từ chất thải sinh hoạt, chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp đã được thu gom
4.	Cải tiến công nghệ nuôi trồng thủy sản
VI	Lâm nghiệp
1.	Thực hiện REDD+ đối với rừng tự nhiên trên cạn
2.	Giảm phát thải và tăng hấp thụ khí nhà kính đối với rừng ngập mặn và thảm cỏ biển
3.	Tăng hấp thụ khí nhà kính thông qua cải thiện rừng trồng trên cạn
4.	Tăng hấp thụ khí nhà kính từ phát triển nông lâm kết hợp và cây ngoài rừng
VII	Biện pháp, công nghệ tiên tiến giảm phát thải khác để cải tiến quy trình trong các lĩnh vực, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính



Phụ lục II

(Kèm theo Nghị định số 112/2026/NĐ-CP

Ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị đăng ký ý tưởng dự án Điều 6.2
Mẫu số 02	Về việc chấp thuận đăng ký ý tưởng dự án
Mẫu số 03	Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký chương trình, dự án
Mẫu số 04	Về việc thông báo chấp thuận đăng ký chương trình/dự án
Mẫu số 05	Đơn đề nghị sửa đổi chương trình, dự án
Mẫu số 06	Về việc kết quả đánh giá đề nghị sửa đổi chương trình, dự án
Mẫu số 07	Đơn đề nghị cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ dự án
Mẫu số 08	Về việc thông báo kết quả cấp/công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon
Mẫu số 09	Đơn đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon
Mẫu số 10	Quyết định chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon
Mẫu số 11	Báo cáo về việc chuyển giao kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon về Việt Nam
Mẫu số 12	Báo cáo chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon về Việt Nam không thực hiện điều chỉnh tương ứng
Mẫu số 13	Báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án
Mẫu số 14	Báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập

TÊN TỔ CHỨC

Số: ... / ...

Mẫu số 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Đăng ký ý tưởng dự án Điều 6.2

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(Tên cơ quan, tổ chức đại diện đề nghị đăng ký) đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận đăng ký ý tưởng dự án (Tên dự án) theo các nội dung sau:

I. Thông tin về cơ quan, tổ chức đại diện

1. Tên cơ quan, tổ chức đại diện:
2. Mã đăng ký doanh nghiệp:
3. Mã số thuế cơ quan, tổ chức:.....
4. Người đại diện:.....
5. Chức vụ (nếu có):
6. Số CCCD/số hộ chiếu của người đại diện:.....
7. Địa chỉ trụ sở:
8. Địa chỉ liên hệ:.....
9. Điện thoại liên hệ:..... Fax: Email:

II. Nội dung đề nghị

Đề nghị đăng ký ý tưởng dự án Điều 6.2 với thông tin cụ thể như sau:

1. Tên dự án đề nghị đăng ký ý tưởng:.....
2. Các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án (dự kiến):(1).....
3. Mô tả dự án (Mô tả về công nghệ, hệ thống, dịch vụ, cơ sở hạ tầng hoặc các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính dự kiến áp dụng cho dự án):.....
4. Địa điểm thực hiện dự án (dự kiến):.....
5. Thời gian thực hiện dự án (dự kiến):.....
6. Kinh phí đầu tư thực hiện dự án (dự kiến):
 - Tổng kinh phí:.....
 - Tỷ lệ góp vốn của cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện:.....
7. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của dự án (dự kiến):.....

8. Liệt kê biện pháp giảm phát thải khí nhà kính áp dụng (*dự kiến*): ... (2) ..
9. Phương pháp tạo tín chỉ các-bon áp dụng trong dự án (*dự kiến*): ... (3) ...
10. Hiện trạng và tiến độ của dự án:.....
11. Lượng giảm phát thải khí nhà kính từ dự án (*dự kiến*):.....
12. Giai đoạn tạo tín chỉ các-bon (*dự kiến*):.....
13. Thông tin chi tiết Thỏa thuận Điều 6.2 đề nghị đăng ký ý tưởng:.....

Cơ quan/Tổ chức chúng tôi xin cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực và chính xác của các thông tin cung cấp kèm theo hồ sơ này.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, chấp thuận đăng ký ý tưởng dự án theo Thỏa thuận ... (4) ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC
THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN
 (Đại diện các cơ quan, tổ chức ký,
 ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Liệt kê đầy đủ các cơ quan, tổ chức dự kiến tham gia dự án;
2. Liệt kê đầy đủ các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính dự kiến thực hiện trong dự án theo Phụ lục I kèm theo Nghị định này;
3. Ghi rõ cơ quan, tổ chức công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon (nếu có);
4. Ghi rõ tên của Thỏa thuận Điều 6.2 dự kiến đăng ký.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /...

V/v chấp thuận đăng ký ý tưởng dự án

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (1)

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày...tháng...năm... của Chính phủ về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon;

Căn cứ Thỏa thuận Paris thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

Căn cứ Đơn đề nghị đăng ký ý tưởng dự án theo Thỏa thuận Điều 6.2 số ... của (Tên cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ đăng ký) ngày ... tháng ... năm ...;

Sau khi xem xét, đánh giá đề nghị đăng ký ý tưởng dự án Điều 6.2 của (1), Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo như sau:

I. Thông tin chung về ý tưởng dự án

1. Tên chương trình, dự án:
2. Địa điểm thực hiện dự án:
3. Thời gian đăng ký thực hiện dự án:.....
4. Đối tác quốc tế tham gia thực hiện dự án:.....
5. Lĩnh vực/biện pháp giảm phát thải đề xuất:

Năng lượng tái tạo

Hiệu quả năng lượng

Chuyển đổi nhiên liệu

Công nghiệp

Nông nghiệp

Quản lý chất thải

AFOLU/LULUCF

Khác:.....

II. Đánh giá về ý tưởng dự án

1. Tính đầy đủ của hồ sơ

Đầy đủ

Chưa đầy đủ (xem mục III)

2. Sự phù hợp với NDC quốc gia

- Dự án đóng góp vào mục tiêu của NDC quốc gia
- Hoạt động dự án nằm trong danh mục...

3. Tính bổ sung của dự án

- Ý tưởng dự án đảm bảo tính bổ sung
- Cần bổ sung tài liệu liên quan

4. Tính bền vững của dự án

- Ý tưởng dự án đảm bảo tính bền vững
- Cần bổ sung tài liệu liên quan

5. Đo đạc, báo cáo, thẩm định

- Đơn vị thẩm định được công nhận
- Đơn vị thẩm định thuộc danh sách do Cơ quan đầu mối công bố

6. Tính trùng lặp

7. Dự kiến yêu cầu điều chỉnh tương ứng

- Có
- Không
- Chưa xác định

III. Trường hợp chưa chấp thuận hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ đăng ký ý tưởng dự án

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo chưa chấp thuận hồ sơ đăng ký ý tưởng dự án của (1) do:

- Hồ sơ thiếu thông tin
- Không phù hợp với lĩnh vực ưu tiên
- Không đáp ứng mục tiêu giảm phát thải
- Khác:.....

.....

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị (1) bổ sung/hoàn thiện hồ sơ:

- Bổ sung tài liệu pháp lý của chủ dự án
- Làm rõ phạm vi và công nghệ dự kiến
- Bổ sung đánh giá tác động môi trường - xã hội
- Bổ sung mô tả phương pháp, kỹ thuật MRV

Khác:.....

.....

IV. Kết luận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Đề nghị đăng ký ý tưởng dự án (*tên dự án*) theo (tên thỏa thuận Điều 6.2 dự án đăng ký) của (I) được chấp thuận.

2. Các điều kiện và nghĩa vụ đi kèm:

.....

.....

.....

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đề (I) tiến hành thực hiện các thủ tục liên quan./.

Nơi nhận:

- ... (1)...
- Lưu: (2)

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Ghi chú:

1. Ghi tên cơ quan, tổ chức đề nghị đăng ký ý tưởng dự án.
2. Nơi nhận khác (nếu có).

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chấp thuận đăng ký chương trình, dự án

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

...(1)... đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận đăng ký (*tên dự án*) theo các nội dung sau:

I. Thông tin về cơ quan, tổ chức đề nghị đăng ký

1. Tên cơ quan, tổ chức đại diện:
2. Mã đăng ký doanh nghiệp:
3. Mã số thuế cơ quan, tổ chức:.....
4. Người đại diện:.....
5. Chức vụ (*nếu có*):
6. Số CCCD/số hộ chiếu của người đại diện:.....
7. Địa chỉ trụ sở chính:
8. Địa chỉ liên hệ:.....
9. Điện thoại liên hệ:..... Fax: Email:

II. Thông tin về cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án (*Liệt kê đầy đủ thông tin của các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án*)

1. Tên cơ quan, tổ chức:
2. Mã đăng ký doanh nghiệp:
3. Mã số thuế cơ quan, tổ chức:.....
4. Người đại diện:.....
5. Chức vụ (*nếu có*):
6. Số CCCD/số hộ chiếu của người đại diện:.....
7. Địa chỉ trụ sở chính:

8. Địa chỉ liên hệ:.....

9. Điện thoại liên hệ:..... Fax: Email:

III. Thông tin về chương trình, dự án đề nghị chấp thuận

Đề nghị chấp thuận đăng ký chương trình, dự án với thông tin cụ thể như sau:

1. Tài liệu chứng minh ý tưởng dự án đã được đăng ký:.....(2).....
2. Các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án (*dự kiến*):
3. Mô tả dự án (*Mô tả về công nghệ, hệ thống, dịch vụ, cơ sở hạ tầng hoặc các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính dự kiến áp dụng cho dự án*):.....
4. Địa điểm thực hiện dự án (*dự kiến*):.....
5. Thời gian thực hiện dự án (*dự kiến*):.....
6. Kinh phí đầu tư thực hiện dự án (*dự kiến*):
 - *Tổng kinh phí*:.....
 - *Tỉ lệ góp vốn của cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án*:.....
7. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của dự án (*dự kiến*):.....
8. Liệt kê biện pháp giảm phát thải khí nhà kính áp dụng (*dự kiến*):.....
9. Phương pháp tạo tín chỉ các-bon áp dụng trong dự án (*dự kiến*): ..(4)...
10. Hiện trạng và tiến độ của dự án:.....
11. Lượng giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ dự án (*dự kiến*):...
12. Giai đoạn tạo tín chỉ các-bon (*dự kiến*):.....
13. Tên Thỏa thuận đã được đăng ký ý tưởng:.....
14. Thông tin về văn bản chấp thuận đăng ký ý tưởng dự án theo Điều 6.2 của cơ quan có thẩm quyền:.....
15. Bên dự kiến nhận chuyển giao kết quả giảm phát thải khí nhà kính/số lượng tín chỉ các-bon từ dự án (nếu có):.....
16. Nhu cầu chuyển giao quốc tế giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon có yêu cầu điều chỉnh tương ứng (*Cơ quan, tổ chức thực hiện dự án ghi rõ nhu cầu*):

IV. Nội dung đề nghị

...(1)... đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, chấp thuận đăng ký cho dự án (tên dự án) theo ...(3)...

Cơ quan/Tổ chức chúng tôi xin cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực và chính xác của các thông tin cung cấp kèm theo hồ sơ này.

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC
THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN**
*(Đại diện các cơ quan, tổ chức ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

TM. TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN
*(Đại diện các cơ quan, tổ chức ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

1. Tên cơ quan, tổ chức đại diện cho các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án;
2. Đối với các dự án đăng ký chấp thuận theo Thỏa thuận Điều 6.2, cơ quan/tổ chức ghi rõ thông tin về văn bản chấp thuận đăng ký ý tưởng dự án; đối với các chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế Điều 6.4, cơ quan/tổ chức ghi rõ thông tin về văn bản thông báo xác nhận của Ban Thư ký UNFCCC.
3. Tên Thỏa thuận Điều 6.2, Cơ chế Điều 6.4;
4. Liệt kê đầy đủ thông tin các phương pháp tạo tín chỉ các-bon áp dụng trong dự án.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /...

V/v thông báo chấp thuận đăng ký
 chương trình/dự án

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (1).

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày...tháng...năm... của Chính phủ về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon;

Căn cứ Thỏa thuận Paris thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị đăng ký dự án tại Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký chương trình, dự án ngày ... tháng ... năm ... của (1);

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo chấp thuận đăng ký chương trình/dự án theo (2) với thông tin như sau:

- Tên chương trình/dự án đăng ký:.....

- Mã chương trình/dự án đăng ký:

- Tên các cơ quan, tổ chức đăng ký tham gia chương trình/dự án:

- Địa điểm đăng ký thực hiện chương trình/dự án:

- Giai đoạn đăng ký thực hiện chương trình/dự án:

- Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/ dự án đăng ký (3):

Năng lượng tái tạo

Giao thông vận tải

Xử lý chất thải

AFOLU/LULUCF

Công nghiệp

Khác:.....

- Phương pháp tạo tín chỉ các-bon áp dụng cho chương trình/dự án đăng ký:(4).....

- Dự kiến lượng giảm phát thải khí nhà kính từ chương trình/dự án đăng ký:

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đề (1) thực hiện các thủ tục và triển khai chương trình, dự án theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- ... (2) ...;

- ... (5) ...;

- Lưu:...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị đăng ký chương trình/ dự án;
2. Tên đầy đủ Thỏa thuận Điều 6.2 hoặc Cơ chế Điều 6.4;
3. Lựa chọn tất cả lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án đăng ký;
4. Ghi đầy đủ tên phương pháp tạo tín chỉ các-bon, tên tổ chức tiêu chuẩn các-bon độc lập công nhận phương pháp và ngày/tháng/năm phương pháp được công nhận;
5. Nơi nhận khác (nếu có).

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Sửa đổi chương trình, dự án

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

...(1)... đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận sửa đổi chương trình, dự án ...(2)... theo các nội dung sau:

I. Thông tin về cơ quan, tổ chức đề nghị

- 1. Tên cơ quan, tổ chức đại diện:
- 2. Mã đăng ký doanh nghiệp:
- 3. Mã số thuế cơ quan, tổ chức:.....
- 4. Người đại diện:
- 5. Chức vụ (nếu có):
- 6. Số CCCD/số hộ chiếu của người đại diện:.....
- 7. Địa chỉ trụ sở:
- 8. Địa chỉ liên hệ:.....
- 9. Điện thoại liên hệ:..... Fax: Email:

II. Thông tin chương trình, dự án đã đăng ký

- 1. Tên chương trình, dự án:.....
- 2. Văn bản chấp thuận đăng ký chương trình/dự án do cơ quan có thẩm quyền cấp:

III. Nội dung đề nghị

...(1)... đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Sửa đổi các nội dung hoạt động dự án Điều 6.2
- Sửa đổi các nội dung hoạt động chương trình, dự án Điều 6.4

Thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án Điều 6.2

Thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án Điều 6.4

Nội dung đề nghị chi tiết:

.....

IV. Lý do đề nghị

.....

...(1)... xin cam kết việc sửa đổi chương trình, dự án không làm phát sinh tranh chấp giữa các bên, không vi phạm pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế có liên quan. ...(1)... xin cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và chính xác của toàn bộ thông tin tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị sửa đổi chương trình, dự án ...(2)...

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, chấp thuận.

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

**TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC
THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN**
(Đại diện các cơ quan, tổ chức ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

TM. TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN
(Đại diện các cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ
họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị sửa đổi chương trình, dự án;
2. Ghi rõ và đầy đủ tên của dự án Điều 6.2/chương trình, dự án Điều 6.4

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /...

V/v kết quả đánh giá đề nghị
sửa đổi chương trình, dự án

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (1).

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày...tháng...năm... của Chính phủ về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon;

Căn cứ Thỏa thuận Paris thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

Căn cứ Đơn đề nghị sửa đổi chương trình, dự án số của (1) tiếp nhận ngày ...tháng...năm...;

I. Thông tin về chương trình, dự án đề nghị sửa đổi

1. Tên chương trình đã đăng ký:.....
2. Văn bản chấp thuận đăng ký dự án do cơ quan có thẩm quyền cấp:.....

II. Nội dung đề nghị sửa đổi

Sau khi xem xét, đánh giá đề nghị sửa đổi chương trình, dự án của (1), Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đã hoàn tất thủ tục:

- Sửa đổi nội dung hoạt động thực hiện dự án Điều 6.2
- Thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện dự án Điều 6.2
- Sửa đổi nội dung hoạt động thực hiện chương trình, dự án Điều 6.4
- Thay đổi cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án Điều 6.4

Thông tin của chương trình, dự án sau khi Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện yêu cầu sửa đổi của (1) như sau:

.....
.....

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đề (1) biết.

Nơi nhận:

- ... (1) ...;
- ... (2) ...;
- Lưu...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Ghi chú:

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị đăng ký chương trình/dự án;
2. Nơi nhận khác (nếu có).

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính,
tín chỉ các-bon từ dự án**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

I. Thông tin về tổ chức đại diện

1. Tên cơ quan, tổ chức:
2. Mã đăng ký doanh nghiệp:
3. Mã số thuế cơ quan, tổ chức:.....
4. Người đại diện:.....
5. Chức vụ (nếu có):
6. Số CCCD/số hộ chiếu của người đại diện:.....
7. Địa chỉ trụ sở chính:
8. Địa chỉ liên hệ:.....
9. Điện thoại liên hệ:..... Fax: Email:

II. Thông tin về dự án đã đăng ký

1. Tên của dự án đã đăng ký:...(2).....
2. Văn bản chấp thuận đăng ký dự án do cơ quan có thẩm quyền cấp:

III. Nội dung đề nghị

...(1)... đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét:

Cấp

Công nhận

đối với ...(3)... cho (các) giai đoạn ...(4)... của dự án ...(2)... và phân bổ ...(3)... cho các bên tham gia dự án theo tỷ lệ phân bổ lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (hoặc) tín chỉ các-bon cho từng bên tham gia thực hiện dự án.

...(1)... xin cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực và chính xác của các thông tin cung cấp kèm theo hồ sơ này.

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

TM. TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Ghi tên cơ quan đầu mối đối với các dự án đăng ký theo Thỏa thuận Điều 6.2;
2. Tên của dự án;
3. Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (hoặc) tín chỉ các-bon;
4. Giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (hoặc) tín chỉ các-bon.

Tỷ lệ phân bổ kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon

Năm	Tổng lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được cấp (tấn CO ₂ tương đương)	Bên tham gia thực hiện dự án			
		Tên cơ quan, tổ chức: Số tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia	Tên cơ quan, tổ chức: Số tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia	Tên cơ quan, tổ chức: Số tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia	Tên cơ quan, tổ chức: Số tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia
20..					
20..					
20..					
....					
Tổng					

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... / ...

V/v thông báo kết quả cấp/
 công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí
 nhà kính, tín chỉ các-bon

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ... (1) ...

*Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày...tháng...năm... của Chính phủ về
 trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon;*

*Căn cứ Thỏa thuận Paris thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến
 đổi khí hậu;*

*Căn cứ Đơn đề nghị cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín
 chỉ các-bon từ dự án của (1) tiếp nhận ngày ... tháng ... năm ... ;*

Sau khi xem xét, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo như sau:

 Cấp Công nhận

Đối với

 Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính Tín chỉ các-bon

từ:

1. Tên, mã dự án được cấp/công nhận:.....

2. Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/lượng tín chỉ các-bon

được cấp/công nhận:.....

- Bằng số:tín chỉ các-bon

- Bằng chữ:tín chỉ các-bon

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo để ... (1) ... biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐẦU MỐI

(Đại diện cơ quan ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp, công nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính,
 tín chỉ các-bon từ dự án.

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chấp thuận chuyển giao quốc tế
kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày...tháng...năm... của Chính phủ về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon;

...(1)... đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, chấp thuận chuyển giao quốc tế có yêu cầu điều chỉnh tương ứng lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon với những thông tin như sau:

I. Thông tin tổ chức đại diện gửi đề nghị

1. Tên cơ quan, tổ chức viết bằng tiếng Việt:.....
2. Tên cơ quan, tổ chức viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
3. Giấy phép kinh doanh số:
4. Mã số thuế doanh nghiệp:
5. Đại diện cơ quan, tổ chức:
6. Chức vụ:
7. Địa chỉ:
8. Điện thoại:Fax:Email:

II. Thông tin dự án đề nghị chấp thuận chuyển giao

1. Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án:
2. Tên Thỏa thuận/Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon chương trình/dự án đăng ký:
3. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:
4. Thời gian đăng ký thực hiện dự án:
5. Tổng lượng tín chỉ dự kiến được phân bổ từ chương trình, dự án:
6. Lượng tín chỉ đã được cấp của chương trình, dự án (nếu có):
7. Cơ quan cấp tín chỉ (nếu có):

III. Thông tin bên nhận chuyển giao (nếu có)

1. Tên cơ quan/tổ chức:
2. Mã số đăng ký doanh nghiệp tại quốc gia sở tại:
3. Người đại diện cơ quan/tổ chức:
4. Địa chỉ:
5. Quốc gia:
6. Điện thoại:
7. Fax (nếu có):
8. Địa chỉ thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

IV. Đề nghị chấp thuận

...(1)... đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận chuyển giao quốc tế đối với:...(2)... nhằm mục đích...(3)...

...(1)... chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về yêu cầu đối với các thông tin đã cung cấp.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét chấp thuận chuyển giao quốc tế lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon từ chương trình/dự án(4)..... theo(5).....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Tên cơ quan, tổ chức tham gia chương trình, dự án đại diện gửi đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon;
2. Ghi rõ lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng;
3. Ghi rõ mục đích chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon;
4. Tên đầy đủ của chương trình, dự án;
5. Tên Thỏa thuận/Cơ chế/Tiêu chuẩn các-bon độc lập.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Chấp thuận chuyển giao quốc tế
kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2025 của Chính phủ về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon;

Xét đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon của ...(1)... tại Đơn đề nghị ... ngày... tháng... năm...;

Theo đề nghị của ...(2)...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon được chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng theo thông tin chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. ... (1)... chịu trách nhiệm về các vấn đề phát sinh khi chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- ...(1)...
- UBND tỉnh/thành phố;
- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon;

(2) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan hoặc người có thẩm quyền được giao tổ chức xem xét việc cấp văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon;

(3) Giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

(4) Tên, mã số dự án và tên đầy đủ của Thỏa thuận Điều 6.2 đã được chấp thuận đăng ký;

(5) Ghi rõ thông tin văn bản chấp thuận.

PHỤ LỤC
NỘI DUNG CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO QUỐC TẾ
KẾT QUẢ GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH, TÍN CHỈ CÁC-BON

I. XÁC NHẬN DỰ ÁN

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền) xác nhận chương trình/dự án được cấp chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon với các thông tin:

1. Tên chương trình/dự án:.....
2. Mã chương trình/dự án:.....
3. Loại hình chương trình/dự án:.....
4. Địa điểm thực hiện chương trình/dự án:.....
5. Tiêu chuẩn, phương pháp tạo tín chỉ các-bon chương trình/dự án áp dụng:

II. NỘI DUNG CHẤP THUẬN

1. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chấp thuận cho lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon từ chương trình/dự án tại mục 1 của phụ lục này được chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng để:

- Sử dụng cho mục tiêu Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của quốc gia nhận
- Sử dụng cho các mục đích giảm nhẹ quốc tế khác
- Sử dụng cho các mục đích thương mại/tự nguyện khác

2. Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon: ... tấn CO₂ tương đương.

3. Giai đoạn chấp thuận: Từ ngày ... tháng ... năm... đến ngày...tháng... năm...

III. MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Việc ban hành Văn bản chấp thuận kèm Phụ lục này được dựa trên hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được ... (1)... cung cấp ngày...tháng...năm và được [Tên tổ chức thẩm định] thẩm định. Do đó:

- Tính chính xác kỹ thuật: Cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình, dự án và [Tên tổ chức thẩm định] chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của hồ sơ, phương pháp luận và tiêu chuẩn các-bon độc lập được áp dụng.

- Tranh chấp bên thứ ba: Cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình, dự án tự chịu trách nhiệm giải quyết mọi tranh chấp dân sự, thương mại hoặc pháp lý phát sinh giữa các bên liên quan đến chất lượng, giá trị hoặc việc thực hiện chương trình, dự án.

- Điều chỉnh do sai sót: Trường hợp phát hiện sai sót, gian lận trong việc áp dụng tiêu chuẩn các-bon độc lập hoặc trong hồ sơ đã được thẩm định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện việc xem xét, đình chỉ, thu hồi hoặc điều chỉnh Quyết định chấp thuận theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình, dự án và đơn vị thẩm định chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý, nghĩa vụ phát sinh có liên quan.

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC _____ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Về việc chuyển giao kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính,
tín chỉ các-bon về Việt Nam

Kính gửi: ... (1) ...

1. Tên cơ quan/tổ chức:
2. Mã đăng ký doanh nghiệp (*Mã số thuế cơ quan/tổ chức*):.....
3. Người đại diện:
4. Chức vụ (*nếu có*):
5. Số CCCD/Hộ chiếu của người đại diện:
6. Địa chỉ trụ sở:
7. Địa chỉ liên hệ:.....
8. Điện thoại liên hệ:..... Fax: Email:

Theo ủy quyền của Chính phủ Việt Nam, cơ quan, tổ chức chúng tôi với tư cách là cơ quan, tổ chức được chỉ định để mua kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon xin thông báo hoàn tất việc mua kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon về Việt Nam như sau:

1. Tên đầy đủ của chương trình/dự án (*bằng tiếng nước ngoài*):.....
2. Tên đầy đủ của chương trình/dự án (*dịch sang tiếng Việt*):.....
3. Mã đăng ký của chương trình/dự án (*nếu có*):.....
4. Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon mà chương trình/dự án đăng ký:
5. Ngày phê duyệt đăng ký chương trình/dự án:.....
6. Ngày được phê duyệt sửa đổi nội dung thực hiện chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập gần nhất (*nếu có*):.....
7. Thành phần tham gia chương trình/dự án được phê duyệt gần nhất:.....
8. Quốc gia nơi thực hiện dự án:.....
9. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:.....
10. Tổng lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon đã được ban hành từ chương trình/dự án:.....

11. Niên hạn của lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon:

12. Giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon của chương trình/dự án:.....

13. Tổng lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon đã được mua về Việt Nam:.....

14. Các nội dung khác (nếu có):.....

Văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng của đối tác quốc tế gửi kèm theo thông báo này.

Nơi nhận:

- ... (1)...
- UBND tỉnh/thành phố;
- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Đại diện cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Ghi tên bộ quản lý lĩnh vực, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp tỉnh.

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO****Chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon về Việt Nam không thực hiện điều chỉnh tương ứng**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

I. Thông tin của cơ quan, tổ chức:

1. Tên cơ quan/tổ chức:
2. Mã đăng ký doanh nghiệp (*Mã số thuế cơ quan/tổ chức*):.....
3. Người đại diện:
4. Chức vụ (*nếu có*):
5. Số CCCD/Hộ chiếu của người đại diện:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Địa chỉ liên hệ:.....
8. Điện thoại liên hệ:..... Fax: Email:

II. Thông tin của chương trình, dự án:

1. Tên đầy đủ của chương trình/dự án (*bằng tiếng nước ngoài*):.....
2. Tên đầy đủ của chương trình/dự án (*dịch sang tiếng Việt*):.....
3. Mã đăng ký của chương trình/dự án (*nếu có*):.....
4. Thông tin chứng minh dự án đã được đăng ký:.....
5. Ngày phê duyệt đăng ký chương trình/dự án:.....
6. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:.....
7. Tổng lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon đã được cấp từ chương trình/dự án:.....
8. Giai đoạn nhận kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon của chương trình/dự án theo (*Tên tiêu chuẩn các-bon*):.....
9. Hình thức chuyển giao:.....
10. Bên nhận chuyển giao:.....
11. Số sêri của lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon (bắt đầu và kết thúc):.....
12. Các nội dung khác (nếu có):.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh/thành phố;
- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC(Đại diện cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ họ tên và
đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

BÁO CÁO**Tình hình thực hiện chương trình, dự án**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

I. Thông tin cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình, dự án

1. Tên cơ quan/tổ chức:.....
2. Đại diện cơ quan/tổ chức:.....
3. Chức vụ:.....
4. Địa chỉ:.....
5. Điện thoại: Fax: Email:

II. Thông tin chung về chương trình/dự án

1. Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án:.....
2. Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon dự án đã đăng ký:.....
3. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của dự án:.....
4. Thời gian đăng ký dự án:.....
5. Ngày được phê duyệt đăng ký thực hiện chương trình/dự án:.....
6. Ngày được phê duyệt điều chỉnh chương trình/dự án (nếu có):.....
7. Thành phần tham gia chương trình/dự án theo phê duyệt đăng ký/phê duyệt sửa đổi chương trình/dự án gần nhất:.....
8. Văn bản chấp thuận đăng ký chương trình/dự án do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có):

III. Tình hình thực hiện chương trình, dự án

1. Quá trình thực hiện dự án:
2. Lượng tín chỉ đã được cấp của chương trình, dự án (nếu có).....
 - Số seri tín chỉ (bắt đầu, kết thúc) đã được cấp (nếu có):.....
 - Cơ quan, tổ chức cấp tín chỉ:.....
 - Thông tin đơn vị thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ chương trình/dự án:.....

3. Tổng lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon đã trao đổi tính đến thời điểm báo cáo:.....

4. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.....

III. Đề xuất kiến nghị (nếu có)

Cơ quan/Tổ chức chúng tôi xin cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về độ trung thực, tính chính xác của các thông tin báo cáo.

Nơi nhận:

- ...⁽¹⁾...
- UBND tỉnh/thành phố;
- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

BÁO CÁO**Tình hình thực hiện chương trình, dự án
tiêu chuẩn các-bon độc lập**Kính gửi: - Bộ (Tên đầy đủ của quản lý lĩnh vực);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1. Tên tổ chức đại diện chương trình/dự án viết bằng tiếng Việt/tiếng nước ngoài:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Điện thoại: Fax (nếu có): Email.....
4. Website (nếu có):.....
5. Giấy phép kinh doanh số:.....
6. Mã số thuế doanh nghiệp:.....
7. Thông tin chương trình/dự án theo tiêu chuẩn các-bon độc lập:.....
8. Thông tin tiêu chuẩn các-bon độc lập của chương trình/dự án đã đăng ký:.....
9. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:.....
10. Thông tin đơn vị thẩm định tài liệu dự án:.....
11. Ngày được phê duyệt đăng ký chương trình/dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập:.....
12. Ngày được phê duyệt sửa đổi nội dung thực hiện chương trình, dự án tiêu chuẩn các-bon độc lập gần nhất (nếu có):.....
13. Thành phần tham gia chương trình/dự án được phê duyệt gần nhất:.....
14. Tổng lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon dự kiến từ chương trình/dự án theo tiêu chuẩn các-bon độc lập:.....
15. Giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon từ chương trình/dự án được tiêu chuẩn các-bon độc lập công nhận:.....
16. Tổng lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon đã được cấp của chương trình, dự án (nếu có):.....
- Số seri tín chỉ (bắt đầu, kết thúc) đã được cấp:.....

- Cơ quan cấp tín chỉ:.....

- Thông tin đơn vị thẩm định:.....

17. Tổng lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/tín chỉ đã trao đổi:.....

18. Tài liệu thiết kế chương trình/dự án đã được đăng ký:.....

19. Biểu mẫu giám sát.

Cơ quan/Tổ chức chúng tôi xin cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về độ trung thực, tính chính xác của các thông tin báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh/thành phố;
- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

(Địa danh), ngày...tháng...năm

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)